

CÔNG TY CP CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Số: 09/2025 /BTT-MAC  
( V/việc: CBTT BCTC đã kiểm toán 2024 )

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải phòng, ngày 13 tháng 3 năm 2025

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật Hàng Hải thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính( BCTC) đã kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty CP Cung ứng và dịch vụ kỹ thuật Hàng Hải.

- Mã chứng khoán: MAC.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8A đường Vạn Mỹ, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

- Điện thoại: 0225.3766561

- Website: maserco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC đã kiểm toán năm 2024

☒ BCTC hợp nhất ( TCNY có công ty con)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại( đối với BCTC được kiểm toán):

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/3/2025 tại đường dẫn: [maserco.com.vn](http://maserco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**CÔNG TY CP CUNG ỨNG VÀ DVKT HÀNG HẢI**

*Tài liệu đính kèm:*

- BCTC kiểm toán năm 2024
- Giải trình số liệu năm 2024



**Trịnh Thị Thu Trang**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ  
DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

## MỤC LỤC

|                                                                                                 | Trang   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Mục lục                                                                                      | 1       |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc                                                                     | 2 - 3   |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập                                                                    | 4 - 5   |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024                                           | 6 - 9   |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 | 10      |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024           | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính<br>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024    | 13 – 33 |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải 1, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200563063, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp bổ sung 19 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật của Công ty.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại : (0225) 3766.561
- Fax : (0225) 3765.671

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên                          | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|------------------------------------|------------|----------------------------------------|
| Ông Nguyễn Văn Cường               | Chủ tịch   | Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2022  |
| Ông Nguyễn Hữu Vĩnh <sup>(*)</sup> | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022  |
| Ông Trần Tiến Dũng                 | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022      |
| Ông Vũ Hải Trường                  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2022      |
| Ông Trần Vũ Quang                  | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024      |
| Ông Nguyễn Văn Trúc                | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2024    |

<sup>(\*)</sup> Ông Nguyễn Hữu Vĩnh đã có đơn từ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2025.

**Ban Kiểm soát**

| Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm            |
|------------------------|------------|--------------------------|
| Bà Phạm Thị Hồng Giang | Trưởng ban | Ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Bùi Thị Lan         | Thành viên | Ngày 30 tháng 6 năm 2022 |
| Bà Tạ Thị Việt Phương  | Thành viên | Ngày 30 tháng 6 năm 2022 |

**Ban Giám đốc, Kế toán trưởng**

| Họ và tên              | Chức vụ            | Ngày bổ nhiệm             |
|------------------------|--------------------|---------------------------|
| Ông Trần Tiến Dũng     | Tổng Giám đốc      | Ngày 01 tháng 7 năm 2022  |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hà   | Phó Giám đốc       | Ngày 21 tháng 12 năm 2021 |
| Ông Bùi Việt Phương    | Giám đốc tài chính | Ngày 01 tháng 10 năm 2023 |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Nga | Kế toán trưởng     | Ngày 21 tháng 12 năm 2021 |

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Trần Tiến Dũng – Tổng Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Trần Tiến Dũng**

Ngày 11 tháng 3 năm 2025

Số: 2.0174/25/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**

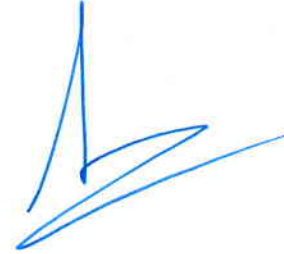


**Nguyễn Hoàng Đức – Thành viên Ban Giám đốc**

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0368-2023-008-1*

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2025



**Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2897-2025-008-1*



CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                             | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm             |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>73.948.113.436</b> | <b>127.087.256.403</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>21.909.254.364</b> | <b>16.074.638.283</b>  |
| 1. Tiền                                             | 111        |             | 10.309.254.364        | 3.474.638.283          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | 11.600.000.000        | 12.600.000.000         |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>27.464.428.161</b> | <b>86.039.192.160</b>  |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        | V.2         | 27.464.428.161        | 86.039.192.160         |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>21.731.253.356</b> | <b>22.248.134.347</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.3         | 8.852.248.391         | 18.665.662.192         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.4         | 10.155.222.974        | 18.729.029             |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.5         | 2.723.781.991         | 3.563.743.126          |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                     | -                      |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>2.635.326.240</b>  | <b>2.553.753.298</b>   |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 2.673.193.194         | 2.598.569.932          |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        | V.6         | (37.866.954)          | (44.816.634)           |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>207.851.315</b>    | <b>171.538.315</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 207.851.315           | 135.759.148            |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                     | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        |             | -                     | 35.779.167             |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| TÀI SẢN                                         | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>184.757.906.629</b> | <b>77.548.381.375</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>33.601.128.276</b>  | <b>35.000.000.000</b>  |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        |             | -                      | -                      |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.5b        | 33.601.128.276         | 35.000.000.000         |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>13.042.200.920</b>  | <b>16.131.998.930</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 12.408.568.920         | 15.498.366.930         |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 222        |             | 50.015.432.307         | 51.551.700.945         |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 223        |             | (37.606.863.387)       | (36.053.334.015)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 225        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        | V.9         | 633.632.000            | 633.632.000            |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 228        |             | 673.632.000            | 673.632.000            |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 229        |             | (40.000.000)           | (40.000.000)           |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> |             | -                      | -                      |
| <i>Nguyên giá</i>                               | 231        |             | -                      | -                      |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>                   | 232        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | -                      | -                      |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>138.022.383.475</b> | <b>26.311.621.655</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        | V.2b        | 152.500.000.000        | 28.000.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.2b        | 1.200.000.000          | 1.200.000.000          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        | V.2b        | (15.677.616.525)       | (3.528.378.345)        |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | 640.000.000            |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>92.193.958</b>      | <b>104.760.790</b>     |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 92.193.958             | 104.760.790            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>258.706.020.065</b> | <b>204.635.637.778</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI**

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

| NGUỒN VỐN                                           | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                     |            |             |                       |                       |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>22.967.664.523</b> | <b>18.137.128.306</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>22.967.664.523</b> | <b>18.137.128.306</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.10        | 4.955.181.401         | 4.716.962.107         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        | V.11        | 632.872.686           | 98.735.477            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.12        | 9.092.765.068         | 653.160.151           |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 2.811.989.636         | 1.869.726.508         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | V.13        | 3.858.105.787         | 76.524.546            |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | 153.574.074           | -                     |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.14        | 439.857.177           | 569.375.010           |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        |             | -                     | 9.906.153.861         |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                     | -                     |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.15        | 1.023.318.694         | 246.490.646           |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                     | -                     |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | -                     | -                     |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                     | -                     |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                     | -                     |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                     | -                     |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                     | -                     |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        |             | -                     | -                     |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        |             | -                     | -                     |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        |             | -                     | -                     |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                     | -                     |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                     | -                     |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                     | -                     |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                     | -                     |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                     | -                     |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN                                       | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                 | <b>400</b> |             | <b>235.738.355.542</b> | <b>186.498.509.472</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                        | <b>410</b> | <b>V.16</b> | <b>235.738.355.542</b> | <b>186.498.509.472</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                       | 411        |             | 151.397.450.000        | 151.397.450.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết        | 411a       |             | 151.397.450.000        | 151.397.450.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                               | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                         | 412        |             | (643.572.900)          | (643.572.900)          |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu             | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                      | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                 | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản              | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                   | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                        | 418        |             | 22.364.202.769         | 14.692.992.406         |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp              | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu               | 420        |             | 22.862.255             | 22.862.255             |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        |             | 62.597.413.418         | 21.028.777.711         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước  | 421a       |             | 12.334.739.300         | 21.028.777.711         |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                    | 421b       |             | 50.262.674.118         | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản            | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>           | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí                               | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                      | <b>440</b> |             | <b>258.706.020.065</b> | <b>204.635.637.778</b> |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thúy Nga

Lập, ngày 01 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trần Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                           | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước      |
|----------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 100.570.392.915 | 77.281.579.217 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -               | -              |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 100.570.392.915 | 77.281.579.217 |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 79.340.334.500  | 56.515.663.836 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 21.230.058.415  | 20.765.915.381 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 61.574.431.934  | 40.209.014.602 |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 13.763.168.104  | 4.912.766.949  |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 45.414.288      | 891.303.632    |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    |             | -               | -              |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.5        | 7.667.376.474   | 9.400.266.069  |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 61.373.945.771  | 46.661.896.965 |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.6        | 424.476.823     | 1.563.909.580  |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.7        | 278.780.912     | 265.168.738    |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 145.695.911     | 1.298.740.842  |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 61.519.641.682  | 47.960.637.807 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.12        | 11.256.967.564  | 5.653.202.624  |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -               | -              |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | 50.262.674.118  | 42.307.435.183 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.8        | -               | -              |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.8        | -               | -              |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 14 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thúy Nga

Nguyễn Thị Thúy Nga

Trần Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay           | Năm trước        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|-------------------|------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                          |       |             |                   |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                    | 01    |             | 61.519.641.682    | 47.960.637.807   |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                               |       |             |                   |                  |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư                                          | 02    | V.8         | 3.197.976.348     | 3.587.836.593    |
| - Các khoản dự phòng                                                                       | 03    | VI.2, VI.4  | 12.142.288.500    | 3.957.186.082    |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04    | VI.3        | (9.232.561)       | (2.818)          |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                              | 05    | VI.3, VI.6  | (6.230.415.441)   | (40.155.252.900) |
| - Chi phí lãi vay                                                                          | 06    | VI.4        | 45.414.288        | 891.303.632      |
| - Các khoản điều chỉnh khác                                                                | 07    |             | -                 | -                |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                           | 08    |             | 70.665.672.816    | 16.241.708.396   |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                            | 09    |             | 1.947.750.228     | 39.653.589.861   |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                  | 10    |             | (74.623.262)      | 6.539.723.418    |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả                                                            | 11    |             | 5.269.147.690     | (7.299.620.501)  |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                             | 12    |             | (59.525.335)      | 136.604.908      |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh                                                        | 13    |             | 58.574.763.999    | (86.039.192.160) |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                      | 14    |             | (15.249.293)      | -                |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                        | 15    | V.12        | (2.566.253.224)   | (5.499.484.664)  |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                    | 16    |             | -                 | -                |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                   | 17    | V.15        | (246.000.000)     | (32.500.000)     |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                              | 20    |             | 133.495.683.619   | (36.299.170.742) |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                             |       |             |                   |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác               | 21    |             | (317.315.000)     |                  |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác            | 22    |             | 250.700.314       | 241.133.727      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    | 23    |             | -                 | (6.000.000.000)  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            | 24    |             | 640.000.000       | 37.700.000.000   |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                                 | 25    | V.2         | (124.500.000.000) | (30.197.393.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                             | 26    |             | -                 | 35.259.192.400   |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     | 27    |             | 6.192.633.443     | 1.913.710.407    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                  | 30    |             | (117.733.981.243) | 38.916.643.534   |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU                                                                                   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                | Năm trước             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|------------------------|-----------------------|
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                         |           |             |                        |                       |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                      | -                     |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                      | -                     |
| 3. Tiền thu từ đi vay                                                                      | 33        |             | 33.063.882.021         | 85.689.383.058        |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay                                                                     | 34        |             | (43.000.200.877)       | (76.674.532.829)      |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính                                                          | 35        |             | -                      | -                     |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                 | 36        |             | -                      | (7.550.508.650)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                        | <b>40</b> |             | <b>(9.936.318.856)</b> | <b>1.464.341.579</b>  |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>                                                     | <b>50</b> |             | <b>5.825.383.520</b>   | <b>4.081.814.371</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                                                    | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>16.074.638.283</b>  | <b>11.992.821.094</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | 9.232.561              | 2.818                 |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>                                                   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <b>21.909.254.364</b>  | <b>16.074.638.283</b> |

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga

Lập ngày 11 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Trần Tiến Dũng

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Lợi nhuận thuần năm nay chủ yếu đến từ giao dịch chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh. (Xem thuyết minh V.2 và VI.3).

#### 6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

| Tên công ty                                        | Địa chỉ trụ sở chính                                                                                    | Hoạt động kinh doanh chính                                                                  | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ biểu quyết |            |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------|------------------|------------|
|                                                    |                                                                                                         |                                                                                             | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm      | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh <sup>(*)</sup> | 97/48 Đường số 8, khu phố 5, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                      | 56%           | 93,33%     | 56%              | 93,33%     |
| Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar | Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Vận chuyển container ven biển bằng sà lan thủy nội địa                                      | 96%           | 96%        | -                | -          |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Macland               | Lô đất KB2.11 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng, đi thuê hoặc khác | 51%           | 51%        | -                | -          |

(\*) Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh đã ban hành Nghị quyết số 01/2024/QĐ-MACSTAR ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh bằng hình thức phát hành thêm cổ phần cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh giảm từ 93,33% xuống còn 56%.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### ***Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc***

Công ty chỉ có 01 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hồ Chí Minh, địa chỉ tại số 97/48 khu phố 5, Đường Số 8, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành quyết định số 02/QĐ-HĐQT/2024 ngày 27 tháng 9 năm 2024 về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh Hồ Chí Minh và thành lập công ty con.

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**  
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.
- Nhân viên**  
Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 56 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 82 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
- Các giao dịch bằng ngoại tệ**  
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ Công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu bao gồm:

#### **Chi phí công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 12 tháng.

### **Chi phí bảo hiểm**

Tiền bảo hiểm trả trước cho thời gian bảo hiểm mà Công ty được hưởng. Tiền bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm (12 tháng).

## **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 – 20       |
| Máy móc và thiết bị             | 05 – 11       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 12       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 05 – 10       |
| Tài sản cố định khác            | 10            |

## **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### **Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

## **10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 11. **Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### 13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **14. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## **15. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.  
Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                                                                 | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn                                                 | 10.309.254.364 | 3.474.638.283  |
| Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) | 11.600.000.000 | 12.600.000.000 |
| Cộng                                                                            | 21.909.254.364 | 16.074.638.283 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Chứng khoán kinh doanh

Là các cổ phiếu niêm yết.

|                                                             | Số cuối năm    |                | Số đầu năm     |                 |
|-------------------------------------------------------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|
|                                                             | Giá gốc        | Giá trị hợp lý | Giá gốc        | Giá trị hợp lý  |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An                    | -              | -              | 34.581.762.500 | 56.400.000.000  |
| Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng                      | -              | -              | 14.321.047.350 | 16.800.000.000  |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hàng Hải                         | -              | -              | 37.136.382.310 | 41.466.400.000  |
| Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vipco (2.000.000 cổ phiếu) | 27.464.428.161 | 28.200.000.000 | -              | -               |
| Cộng                                                        | 27.464.428.161 | 28.200.000.000 | 86.039.192.160 | 114.666.400.000 |

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

|                                                                    | Số cuối năm     |                  | Số đầu năm     |                 |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|----------------|-----------------|
|                                                                    | Giá gốc         | Dự phòng         | Giá gốc        | Dự phòng        |
| Đầu tư vào công ty con                                             | 152.500.000.000 | (15.677.616.525) | 28.000.000.000 | (3.528.378.345) |
| Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>                 | 28.000.000.000  | (10.257.011.559) | 28.000.000.000 | (3.528.378.345) |
| Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar <sup>(ii)</sup> | 48.000.000.000  | (5.420.604.966)  | -              | -               |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Macland <sup>(iii)</sup>              | 76.500.000.000  | -                | -              | -               |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <sup>(iv)</sup>                     | 1.200.000.000   | -                | 1.200.000.000  | -               |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương                                 | 900.000.000     | -                | 900.000.000    | -               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư MLU                                         | 300.000.000     | -                | 300.000.000    | -               |
| Cộng                                                               | 153.700.000.000 | (15.677.616.525) | 29.200.000.000 | (3.528.378.345) |

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0317732806 đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 3 năm 2023, thay đổi lần thứ ba ngày 21 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh 28.000.000.000 VND, sở hữu 2.800.000 cổ phiếu, chiếm 56% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202227821 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 1 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven Biển Macstar có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven Biển Macstar 48.000.000.000 VND, sở hữu 4.800.000 cổ phiếu, chiếm 96% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202264157 đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Bất động sản Macland có vốn điều lệ là 150.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Macland 76.500.000.000 VND, sở hữu 7.650.000 cổ phiếu, chiếm 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo cam kết.

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

| Tên Công ty                        | Số cuối năm      |              | Số đầu năm       |              |
|------------------------------------|------------------|--------------|------------------|--------------|
|                                    | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ sở hữu |
| Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương | 9.000            | 18,77%       | 9.000            | 18,77%       |
| Công ty Cổ phần Đầu tư MLU         | 30.000           | 15,00%       | 30.000           | 15,00%       |

### Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh đã hoàn thành giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng và đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh từ tháng 11/2023.

Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar đã đi vào hoạt động từ tháng 1/2024.

Công ty Cổ phần Bất động sản Macland thành lập từ tháng 11 /2024.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

|                                           | Năm nay        | Năm trước       |
|-------------------------------------------|----------------|-----------------|
| Số đầu năm                                | 3.528.378.345  | 6.913.711.980   |
| Trích lập dự phòng bổ sung                | 12.149.238.180 | 3.528.378.345   |
| Sử dụng dự phòng do thanh lý khoản đầu tư | -              | (6.913.711.980) |
| Số cuối năm                               | 15.677.616.525 | 3.528.378.345   |

### Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty con như sau:

|                                                           | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh</b>                |                |                |
| Góp vốn vào Công ty con                                   | -              | 28.000.000.000 |
| Bán vật tư cho Công ty con                                | -              | 1.001.777.039  |
| Thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ cho Công ty con        | 250.700.314    | 804.410.768    |
| Mua nguyên vật liệu từ Công ty con                        | 16.531.200     | 170.858.930    |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                                | 265.575.558    | -              |
| Sử dụng dịch vụ và mua hàng hóa của Công ty con           | 10.273.711.739 | -              |
| <b>Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven Biển Macstar</b> |                |                |
| Góp vốn vào Công ty con                                   | 48.000.000.000 | -              |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                                | 285.222.223    | -              |
| <b>Công ty Cổ phần Bất động sản Macland</b>               |                |                |
| Góp vốn vào Công ty con                                   | 76.500.000.000 | -              |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### Thông tin khác

Ngày 24 tháng 2 năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 03.25/NQ-HĐQT về phương án tăng vốn điều lệ của Công ty con - Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar từ 50 tỷ VND lên 92 tỷ VND, bằng việc phát hành thêm 4,2 triệu cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là Công ty TNHH Quý TM Holding.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                                       | Số cuối năm          | Số đầu năm            |
|-------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                     | <b>41.747.939</b>    | <b>2.893.269.071</b>  |
| Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh                   | 12.747.939           | 1.932.069.071         |
| Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar    | 29.000.000           | -                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C                      | -                    | 961.200.000           |
| <b>Phải thu các khách hàng khác</b>                   | <b>8.810.500.452</b> | <b>15.772.393.121</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi | -                    | 5.201.128.276         |
| Maersk line a/s                                       | 2.932.599.696        | 3.697.524.219         |
| Công ty Cổ phần Logistics Cảng Đà Nẵng                | 1.002.104.343        | -                     |
| Các khách hàng khác                                   | 4.875.796.413        | 6.873.740.626         |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>8.852.248.391</b> | <b>18.665.662.192</b> |

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|                                                    | Số cuối năm           | Số đầu năm        |
|----------------------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| <b>Trả trước cho các bên liên quan</b>             | <b>10.000.000.000</b> | -                 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Container Ven biển Macstar | 10.000.000.000        | -                 |
| <b>Trả trước cho người bán khác</b>                | <b>155.222.974</b>    | -                 |
| Công ty TNHH Quy hoạch và Kiến trúc Hòa Bình       | 135.000.000           | -                 |
| Các nhà cung cấp khác                              | 20.222.974            | 18.729.029        |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>10.155.222.974</b> | <b>18.729.029</b> |

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

|                                                       | Số cuối năm          |          | Số đầu năm           |          |
|-------------------------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
|                                                       | Giá trị              | Dự phòng | Giá trị              | Dự phòng |
| <b>Phải thu các bên liên quan</b>                     | <b>769.500.000</b>   | -        | <b>44.286.800</b>    | -        |
| Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh - Thanh lý vật tư | -                    | -        | 44.286.800           | -        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C - Thu hộ phí dịch vụ | 769.500.000          | -        | -                    | -        |
| <b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>           | <b>1.954.281.991</b> | -        | <b>3.519.456.326</b> | -        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư MLU                            | -                    | -        | 2.172.942.041        | -        |
| Tạm ứng                                               | 61.822.893           | -        | 80.338.248           | -        |
| Tạm tính doanh thu                                    | 1.842.146.973        | -        | 1.183.840.958        | -        |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn                         | 18.553.425           | -        | 22.335.079           | -        |
| Ký cược, ký quỹ                                       | 10.000.000           | -        | 60.000.000           | -        |
| Các khoản phải thu khác                               | 21.758.700           | -        | -                    | -        |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>2.723.781.991</b> | -        | <b>3.563.743.126</b> | -        |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 5b. Phái thu dài hạn khác

Là khoản vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi (“MTC”) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05-15/HĐHT/MTC-MAC (“Hợp đồng 05-15”) ngày 22/04/2015 để triển khai kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác tại lô đất 4,3ha thuộc dự án BP-Motachi ở Đông Nam bán đảo Đình Vũ, khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải 2, thuộc khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Thực hiện các Phụ lục 01 và 02 ký kết năm 2015, Công ty đã ứng vốn cho MTC, số tiền 35 tỷ VND để bổ sung vốn đầu tư hệ thống hạ tầng.

Theo Phụ lục số 08 ngày 31/12/2020 (hiệu lực từ 01/01/2021 đến 31/7/2022), 2 bên hợp tác triển khai việc kinh doanh khai thác bãi container và các dịch vụ khác như sửa chữa, bảo trì, vệ sinh container, kho CFS trên diện tích 2,2 ha tại lô đất 4,3 ha và thống nhất thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn trong thời gian 15 năm từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2035 thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi.

Theo Phụ lục số 09 ngày 25/07/2022 (hiệu lực từ 01/8/2022), 2 bên thống nhất lại diện tích hợp tác là 3,5 ha tại lô đất 4,3 ha và thời gian thực hiện từ ngày 01/08/2022 đến hết ngày 31/07/2030. Công ty sẽ thu hồi dần tiền ứng vốn thông qua đối trừ chi phí sử dụng bãi, được chia làm 2 giai đoạn: (i) Giai đoạn từ 01/08/2022 đến 31/07/2027 (5 năm): chi phí sử dụng bãi 612.500.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 550.000.000 VND/tháng; (ii) Giai đoạn từ 01/08/2027 đến 31/07/2030 (3 năm): chi phí sử dụng bãi 682.000.000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT), số cần trừ công nợ là 600.000.000 VND/tháng. Theo thỏa thuận này, từ tháng 8/2022 đến tháng 11/2029, Công ty sẽ thu hồi được 49.568.551.298 VND (gồm: 35.000.000.000 VND tiền ứng vốn và 14.568.551.298 VND nợ phải thu MTC) qua cần trừ công nợ phí sử dụng bãi. Đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thu hồi hết số nợ phải thu là 14.568.551.298 VND và số tiền ứng vốn còn phải thu hồi là 33.601.128.276 VND.

### 6. Hàng tồn kho

|                             | Số cuối năm          |                     | Số đầu năm           |                     |
|-----------------------------|----------------------|---------------------|----------------------|---------------------|
|                             | Giá gốc              | Dự phòng            | Giá gốc              | Dự phòng            |
| Hàng mua đang đi trên đường | -                    | -                   | 13.050.000           | -                   |
| Nguyên liệu, vật liệu       | 2.508.888.339        | (37.866.954)        | 2.421.215.077        | (44.816.634)        |
| Công cụ, dụng cụ            | 164.304.855          | -                   | 164.304.855          | -                   |
| <b>Cộng</b>                 | <b>2.673.193.194</b> | <b>(37.866.954)</b> | <b>2.598.569.932</b> | <b>(44.816.634)</b> |

Tình hình biến động dự phòng cho hàng tồn kho như sau:

|                            | Năm nay           | Năm trước         |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| Số đầu năm                 | 44.816.634        | -                 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | -                 | 44.816.634        |
| Hoàn nhập dự phòng         | (6.949.680)       | -                 |
| <b>Số cuối năm</b>         | <b>37.866.954</b> | <b>44.816.634</b> |

### 7. Chi phí trả trước

#### 7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

|                          | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 48.585.520         | 66.206.058         |
| Chi phí bảo hiểm         | 11.490.098         | 12.813.758         |
| Chi phí sửa chữa         | -                  | 34.666.667         |
| Các chi phí khác         | 147.775.697        | 22.072.665         |
| <b>Cộng</b>              | <b>207.851.315</b> | <b>135.759.148</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 7b. Chi phí trả trước dài hạn

|                          | Số cuối năm       | Số đầu năm         |
|--------------------------|-------------------|--------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 79.654.166        | 98.562.500         |
| Các chi phí khác         | 12.539.792        | 6.198.290          |
| <b>Cộng</b>              | <b>92.193.958</b> | <b>104.760.790</b> |

### 8. Tài sản cố định hữu hình

|                                          | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | Máy móc và<br>thiết bị | Phương tiện vận<br>tải,<br>truyền dẫn | Thiết bị,<br>dụng cụ<br>quản lý | Tài sản cố<br>định khác | Cộng                  |
|------------------------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                        |                           |                        |                                       |                                 |                         |                       |
| Số đầu năm                               | 30.078.600.204            | 1.994.412.662          | 19.081.205.441                        | 304.676.000                     | 92.806.638              | 51.551.700.945        |
| Mua trong năm                            | -                         | 317.315.000            | -                                     | -                               | -                       | 317.315.000           |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                         | -                      | (1.853.583.638)                       | -                               | -                       | (1.853.583.638)       |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>30.078.600.204</b>     | <b>2.311.727.662</b>   | <b>17.227.621.803</b>                 | <b>304.676.000</b>              | <b>92.806.638</b>       | <b>50.015.432.307</b> |
| <b>Trong đó:</b>                         |                           |                        |                                       |                                 |                         |                       |
| Đã khấu hao hết nhưng<br>vẫn còn sử dụng | 5.632.931.978             | 1.477.180.500          | 5.562.922.861                         | 133.686.000                     | 30.369.209              | 12.837.090.548        |
| Chờ thanh lý                             | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                       | -                     |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                   |                           |                        |                                       |                                 |                         |                       |
| Số đầu năm                               | 18.085.772.234            | 1.740.810.571          | 15.933.631.757                        | 225.287.786                     | 67.831.667              | 36.053.334.015        |
| Khấu hao trong năm                       | 1.762.282.725             | 111.418.083            | 1.293.604.490                         | 24.427.143                      | 6.243.907               | 3.197.976.348         |
| Thanh lý, nhượng bán                     | -                         | -                      | (1.644.446.976)                       | -                               | -                       | (1.644.446.976)       |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>19.848.054.959</b>     | <b>1.852.228.654</b>   | <b>15.582.789.271</b>                 | <b>249.714.929</b>              | <b>74.075.574</b>       | <b>37.606.863.387</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                   |                           |                        |                                       |                                 |                         |                       |
| Số đầu năm                               | 11.992.827.970            | 253.602.091            | 3.147.573.684                         | 79.388.214                      | 24.974.971              | 15.498.366.930        |
| <b>Số cuối năm</b>                       | <b>10.230.545.245</b>     | <b>459.499.008</b>     | <b>1.644.832.532</b>                  | <b>54.961.071</b>               | <b>18.731.064</b>       | <b>12.408.568.920</b> |
| <b>Trong đó:</b>                         |                           |                        |                                       |                                 |                         |                       |
| Tạm thời chưa sử dụng                    | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                       | -                     |
| Đang chờ thanh lý                        | -                         | -                      | -                                     | -                               | -                       | -                     |

### 9. Tài sản cố định vô hình

|                                       | Quyền sử dụng đất  | Chương trình phần<br>mềm máy tính | Cộng               |
|---------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|--------------------|
| <b>Nguyên giá</b>                     |                    |                                   |                    |
| Số đầu năm                            | 633.632.000        | 40.000.000                        | 673.632.000        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>633.632.000</b> | <b>40.000.000</b>                 | <b>673.632.000</b> |
| <b>Trong đó:</b>                      |                    |                                   |                    |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | -                  | 40.000.000                        | 40.000.000         |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                |                    |                                   |                    |
| Số đầu năm                            | -                  | 40.000.000                        | 40.000.000         |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>-</b>           | <b>40.000.000</b>                 | <b>40.000.000</b>  |
| <b>Giá trị còn lại</b>                |                    |                                   |                    |
| Số đầu năm                            | 633.632.000        | -                                 | 633.632.000        |
| <b>Số cuối năm</b>                    | <b>633.632.000</b> | <b>-</b>                          | <b>633.632.000</b> |
| <b>Trong đó:</b>                      |                    |                                   |                    |
| Tạm thời không sử dụng                | -                  | -                                 | -                  |
| Đang chờ thanh lý                     | -                  | -                                 | -                  |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

|                                                       | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|-------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Phải trả các bên liên quan</b>                     | <b>1.566.799.377</b> | <b>827.070.978</b>   |
| Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh                   | 1.555.351.377        | 187.162.880          |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C                      | 11.448.000           | 639.908.098          |
| <b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>                 | <b>3.388.382.024</b> | <b>3.889.891.129</b> |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi | 508.213.952          | 334.500.000          |
| Công ty Cổ phần Kim khí Bắc Việt                      | 805.356.614          | 884.415.537          |
| Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco                | 557.224.788          | 890.536.350          |
| Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Hải Phòng              | 474.032.401          | 474.032.401          |
| Các nhà cung cấp khác                                 | 1.043.554.269        | 1.306.406.841        |
| <b>Cộng</b>                                           | <b>4.955.181.401</b> | <b>4.716.962.107</b> |

### 11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

|                                                    | Số cuối năm        | Số đầu năm        |
|----------------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| <b>Các bên liên quan</b>                           | <b>554.800.009</b> | -                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C – Dịch vụ nâng hạ | 554.800.009        | -                 |
| <b>Các khách hàng khác</b>                         | <b>78.072.677</b>  | <b>98.735.477</b> |
| Công ty TNHH KT Logistics                          | 66.787.200         | -                 |
| Các khách hàng khác                                | 11.285.477         | 98.735.477        |
| <b>Cộng</b>                                        | <b>632.872.686</b> | <b>98.735.477</b> |

### 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                                                  | Số đầu năm         |                   | Số phát sinh trong năm |                        | Số cuối năm          |
|--------------------------------------------------|--------------------|-------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
|                                                  | Phải nộp           | Phải thu          | Số phải nộp            | Số đã nộp              | Phải nộp             |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa                       | 530.277.654        | -                 | 2.743.266.388          | (2.978.302.912)        | 295.241.130          |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp                       | 28.717.960         | -                 | 11.256.967.564         | (2.566.253.224)        | 8.719.432.300        |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 25.261.837         | 35.779.167        | 194.652.192            | (174.923.792)          | 9.211.070            |
| Tiền thuê đất                                    | -                  | -                 | 1.156.728.940          | (1.128.117.940)        | 28.611.000           |
| Thuế môn bài                                     | -                  | -                 | 4.000.000              | (4.000.000)            | -                    |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 68.902.700         | -                 | 114.347.461            | (142.980.593)          | 40.269.568           |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>653.160.151</b> | <b>35.779.167</b> | <b>15.469.962.545</b>  | <b>(6.994.578.461)</b> | <b>9.092.765.068</b> |

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

|                                |     |
|--------------------------------|-----|
| - Doanh thu xuất khẩu          | 0%  |
| - Doanh thu cung cấp nước ngọt | 5%  |
| - Doanh thu khác               | 10% |

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|                                                                                         | Năm nay               | Năm trước            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                       | 61.519.641.682        | 47.960.637.807       |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN: | 224.196.140           | 492.409.431          |
| - Các khoản điều chỉnh tăng                                                             | 278.780.912           | 650.274.185          |
| Chi phí không được trừ                                                                  | 278.780.912           | 604.921.974          |
| Các khoản khác                                                                          | -                     | 45.352.211           |
| - Các khoản điều chỉnh giảm                                                             | (54.584.772)          | (157.864.754)        |
| Các khoản khác                                                                          | (54.584.772)          | (13.739.954)         |
| GTCL phần mềm ERP không sử dụng                                                         | -                     | (144.124.800)        |
| Thu nhập chịu thuế                                                                      | 61.743.837.822        | 48.453.047.238       |
| Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)                                              | (5.459.000.000)       | (6.442.800.000)      |
| Lỗ các năm trước được chuyển (từ năm 2020 đến 2022)                                     | -                     | (14.181.910.438)     |
| Thu nhập tính thuế                                                                      | 56.284.837.822        | 27.828.336.800       |
| Thuế suất thuế TNDN                                                                     | 20%                   | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>                                              | <b>11.256.967.564</b> | <b>5.565.667.360</b> |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                 | <b>-</b>              | <b>87.535.264</b>    |
| <b>Thuế TNDN phải nộp</b>                                                               | <b>11.256.967.564</b> | <b>5.653.202.624</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

### Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng như sau:

| Vị trí đất                                                 | Diện tích thuê          |
|------------------------------------------------------------|-------------------------|
| - 173 Ngô Quyền, P. Máy Chai, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng      | 13.547,2 m <sup>2</sup> |
| - 8A đường vòng Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, Hải Phòng | 7.904 m <sup>2</sup>    |

### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 13. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                                    | Số cuối năm          | Số đầu năm        |
|------------------------------------|----------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C   | 3.720.161.490        | -                 |
| Các chi phí phải trả ngắn hạn khác | 137.944.297          | 76.524.546        |
| <b>Cộng</b>                        | <b>3.858.105.787</b> | <b>76.524.546</b> |

### 14. Phải trả ngắn hạn khác

|                                                      | Số cuối năm        | Số đầu năm         |
|------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn                                   | 68.684.669         | 102.721.325        |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 157.584.889        | 139.052.673        |
| Cổ tức phải trả                                      | 19.363.850         | 19.363.850         |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn                        | 35.000.000         | 35.000.000         |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác                     | 159.223.769        | 273.237.162        |
| <b>Cộng</b>                                          | <b>439.857.177</b> | <b>569.375.010</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty như sau:

|                                | Năm nay       | Năm trước    |
|--------------------------------|---------------|--------------|
| Số đầu năm                     | 246.490.646   | 278.990.646  |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận | 1.022.828.048 | -            |
| Chi quỹ                        | (246.000.000) | (32.500.000) |
| Số cuối năm                    | 1.023.318.694 | 246.490.646  |

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### 16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

|                         | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ khác thuộc VCSH | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng            |
|-------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm trước     | 151.397.450.000        | (643.572.900)        | 14.692.992.406        | 22.862.255          | (16.736.733.972)                  | 148.732.997.789 |
| Lợi nhuận năm trước     | -                      | -                    | -                     | -                   | 42.307.435.183                    | 42.307.435.183  |
| Tạm ứng cổ tức          | -                      | -                    | -                     | -                   | (4.541.923.500)                   | (4.541.923.500) |
| Số dư cuối năm trước    | 151.397.450.000        | (643.572.900)        | 14.692.992.406        | 22.862.255          | 21.028.777.711                    | 186.498.509.472 |
| Số dư đầu năm nay       | 151.397.450.000        | (643.572.900)        | 14.692.992.406        | 22.862.255          | 21.028.777.711                    | 186.498.509.472 |
| Lợi nhuận trong năm nay | -                      | -                    | -                     | -                   | 50.262.674.118                    | 50.262.674.118  |
| Trích các quỹ           | -                      | -                    | 7.671.210.363         | -                   | (8.694.038.411)                   | (1.022.828.048) |
| Số dư cuối năm nay      | 151.397.450.000        | (643.572.900)        | 22.364.202.769        | 22.862.255          | 62.597.413.418                    | 235.738.355.542 |

#### 16b. Cổ phiếu

|                                           | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành       | 15.139.745  | 15.139.745 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành  | 15.139.745  | 15.139.745 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành | 15.139.745  | 15.139.745 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 16c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 02-2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2024 như sau:

|                                 |               |
|---------------------------------|---------------|
| Trích quỹ đầu tư phát triển     | 7.671.210.363 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.022.828.048 |

### 17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 17a. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 7.248,22 USD (số đầu năm là 35,22 USD).

#### 17b. Nợ khó đòi đã xử lý

Là các khoản nợ phải thu lâu ngày, đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi. Chi tiết bao gồm:

|                                                  | Số cuối năm    | Số đầu năm     |
|--------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Ông Nguyễn Hữu Vĩnh - TV HĐQT                    | 1.430.000.000  | 1.430.000.000  |
| Công ty TNHH Vận tải biển và Thương mại Hòa Phát | 3.543.444.695  | 3.543.444.695  |
| Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Tự Thành       | 3.297.459.144  | 3.297.459.144  |
| Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hải Phòng        | 1.892.531.640  | 1.892.531.640  |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Điện Duyên Hải           | 1.131.317.000  | 1.131.317.000  |
| Công ty TNHH Goldstar Marine                     | 13.202.819.021 | 13.202.819.021 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Phương Mai | 3.000.000.000  | 3.000.000.000  |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                            | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Teng Lay Dry Port Co., Ltd | 484.206.807           | 484.206.807           |
| Các tổ chức, các nhân khác | 5.772.634.408         | 6.105.945.970         |
| <b>Cộng</b>                | <b>33.754.412.715</b> | <b>34.087.724.277</b> |

Trong năm, Công ty đã thu hồi được khoản nợ đã xoá sổ, số tiền 333.311.562 VND, được ghi nhận vào thu nhập khác (xem Thuyết minh VI.6).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

|                                 | Năm nay                | Năm trước             |
|---------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa          | 615.263                | 2.266.716.721         |
| Doanh thu dịch vụ khai thác bãi | 100.042.837.476        | 74.681.345.209        |
| Doanh thu dịch vụ khác          | 526.940.176            | 333.517.287           |
| <b>Cộng</b>                     | <b>100.570.392.915</b> | <b>77.281.579.217</b> |

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con đã trình bày tại thuyết minh V.2, các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

|                                         | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C</b> |                |                |
| Cung cấp dịch vụ cho bên liên quan      | 11.168.170.356 | 11.810.770.096 |
| Bán hàng hóa cho bên liên quan          | -              | 104.400.000    |

### 2. Giá vốn hàng bán

|                                | Năm nay               | Năm trước             |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn của hàng hóa           | 615.263               | 3.023.444.666         |
| Giá vốn dịch vụ khai thác bãi  | 78.965.111.685        | 53.092.229.818        |
| Giá vốn dịch vụ khác           | 381.557.232           | 355.172.718           |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (6.949.680)           | 44.816.634            |
| <b>Cộng</b>                    | <b>79.340.334.500</b> | <b>56.515.663.836</b> |

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                                                                             | Năm nay               | Năm trước             |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn                                                      | 679.992.789           | 342.005.032           |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn                                                   | 13.487.824            | 9.460.367             |
| Lãi tiền cho vay                                                            | -                     | 737.802               |
| Lãi đầu tư trái phiếu                                                       | 49.859.000            | 55.177.819            |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia <sup>(*)</sup>                                  | 5.459.000.000         | 6.442.800.000         |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh                                             | 27.746.343            | 36.850                |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 9.232.561             | 2.818                 |
| Lãi chuyển nhượng công ty liên kết                                          | -                     | 626.470.045           |
| Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác                                  | -                     | 7.186.400.899         |
| Lãi chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh                                    | 55.335.113.417        | 25.545.922.970        |
| <b>Cộng</b>                                                                 | <b>61.574.431.934</b> | <b>40.209.014.602</b> |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Bao gồm khoản được chia cổ tức bằng 150.000 cổ phiếu HAH, đã được bán trong năm và ghi nhận lãi từ cổ tức được chia là 1.500.000.000 VND (năm trước: 5.000.000.000 VND).

### 4. Chi phí tài chính

|                                            | Năm nay               | Năm trước            |
|--------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay                            | 45.414.288            | 891.303.632          |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh             | -                     | 24.815.766           |
| Lỗ thanh lý cổ phần CTCP Hải Minh          | -                     | 23.800               |
| Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn | 12.149.238.180        | 3.528.378.345        |
| Chi phí khác                               | 1.568.515.636         | 468.245.406          |
| <b>Cộng</b>                                | <b>13.763.168.104</b> | <b>4.912.766.949</b> |

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

|                                  | Năm nay              | Năm trước            |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 4.361.689.552        | 4.081.491.031        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 247.530.247          | -                    |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 429.908.101          | 596.572.888          |
| Thuế, phí và lệ phí              | 4.000.000            | 4.000.000            |
| Dự phòng phải thu khó đòi        | -                    | 383.991.103          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 1.443.563.655        | 1.807.674.331        |
| Tiền thuê đất                    | 209.465.634          | 471.217.828          |
| Trợ cấp thôi việc                | -                    | 1.028.821.200        |
| Các chi phí khác                 | 971.219.285          | 1.026.497.688        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>7.667.376.474</b> | <b>9.400.266.069</b> |

### 6. Thu nhập khác

|                                           | Năm nay            | Năm trước            |
|-------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định  | 41.563.652         | -                    |
| Lãi thanh lý công cụ, dụng cụ             | 28.800.613         | -                    |
| Xử lý chi phí trích trước nguyên giá TSCĐ | -                  | 360.312.000          |
| Xử lý công nợ phải trả dư lâu ngày        | -                  | 1.187.142.621        |
| Thu từ khoản nợ đã xóa sổ                 | 333.311.562        | -                    |
| Thu nhập khác                             | 20.800.996         | 16.454.959           |
| <b>Cộng</b>                               | <b>424.476.823</b> | <b>1.563.909.580</b> |

### 7. Chi phí khác

|                                         | Năm nay            | Năm trước          |
|-----------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | -                  | 44.237.867         |
| Thuế bị phạt, bị truy thu               | 212.515.616        | 109.394.761        |
| Chi phí khác                            | 66.265.296         | 111.536.110        |
| <b>Cộng</b>                             | <b>278.780.912</b> | <b>265.168.738</b> |

### 8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm nay        | Năm trước      |
|----------------------------------|----------------|----------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 17.273.574.520 | 27.789.940.461 |
| Chi phí nhân công                | 13.684.856.571 | 15.426.535.882 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.197.976.348  | 3.587.836.593  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 48.414.627.053 | 11.419.223.166 |
| Chi phí khác                     | 4.436.676.482  | 7.608.201.923  |
| Cộng                             | 87.007.710.974 | 65.831.738.025 |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

|                                                                                               | Năm nay       | Năm trước     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| Lãi vay nhập gốc phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirea Asset                             | 30.164.995    | 891.303.632   |
| Bù trừ công nợ phải thu và phải trả của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Motachi | 6.600.000.000 | -             |
| Bù trừ công nợ phải thu và phải trả của Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh                   | 157.852.147   | -             |
| Nhận cổ tức bằng cổ phiếu                                                                     | 1.500.000.000 | 5.000.000.000 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty chỉ bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

|                        | Chức danh                           | Tiền lương  | Thưởng     | Thù lao    | Phụ cấp | Cộng        |
|------------------------|-------------------------------------|-------------|------------|------------|---------|-------------|
| Năm nay                |                                     |             |            |            |         |             |
| Ông Nguyễn Văn Cường   | Chủ tịch HĐQT                       | 373.207.236 | 64.643.031 | 78.000.000 | 200.000 | 516.050.267 |
| Ông Nguyễn Hữu Vĩnh    | Thành viên HĐQT                     | -           | -          | 66.000.000 | -       | 66.000.000  |
| Ông Trần Tiến Dũng     | Thành viên HĐQT/<br>Tổng Giám đốc   | 373.207.236 | 46.174.500 | 66.000.000 | 200.000 | 485.581.736 |
| Ông Vũ Hải Trường      | Thành viên HĐQT                     | -           | -          | 66.000.000 | -       | 66.000.000  |
| Ông Nguyễn Văn Trúc    | Thành viên HĐQT<br>(đến 27/04/2024) | -           | -          | 54.000.000 | -       | 54.000.000  |
| Ông Trần Vũ Quang      | Thành viên HĐQT<br>(từ 27/04/2024)  | -           | 500.000    | 12.000.000 | -       | 12.500.000  |
| Bà Phạm Thị Hồng Giang | Trưởng BKS                          | -           | -          | 48.000.000 | -       | 48.000.000  |
| Bà Bùi Thị Lan         | Thành viên BKS                      | -           | -          | 36.000.000 | -       | 36.000.000  |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P. Vạn Mỹ, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                        | Chức danh                             | Tiền lương           | Thưởng             | Thù lao            | Phụ cấp           | Cộng                 |
|------------------------|---------------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|-------------------|----------------------|
| Bà Tạ Thị Việt Phương  | Thành viên BKS                        | -                    | -                  | 36.000.000         | -                 | 36.000.000           |
| Ông Bùi Việt Phương    | Giám đốc tài chính                    | 309.864.989          | 34.464.917         | -                  | 200.000           | 344.529.905          |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hà   | Phó Giám đốc                          | 285.234.989          | 51.959.833         | -                  | 200.000           | 337.394.822          |
| Bà Nguyễn Thị Thủy Nga | Kế toán trưởng                        | 304.156.539          | 53.197.799         | -                  | 200.000           | 357.554.338          |
| Bà Trịnh Thị Thu Trang | Thư ký                                | 150.861.961          | 27.481.512         | 30.000.000         | 200.000           | 208.543.473          |
| <b>Cộng</b>            |                                       | <b>1.796.532.950</b> | <b>278.421.591</b> | <b>492.000.000</b> | <b>1.200.000</b>  | <b>2.568.154.541</b> |
| <b>Năm trước</b>       |                                       |                      |                    |                    |                   |                      |
| Ông Nguyễn Văn Cường   | Chủ tịch HĐQT                         | 370.696.370          | 3.000.000          | 60.000.000         | 3.020.000         | 436.716.370          |
| Ông Nguyễn Hữu Vĩnh    | Thành viên HĐQT                       | -                    | -                  | 60.000.000         | -                 | 60.000.000           |
| Ông Trần Tiến Dũng     | Tổng Giám đốc/<br>Thành viên HĐQT     | 152.094.000          | 1.000.000          | 60.000.000         | -                 | 213.094.000          |
| Ông Vũ Hải Trường      | Thành viên HĐQT                       | -                    | -                  | 60.000.000         | -                 | 60.000.000           |
| Ông Nguyễn Văn Trúc    | Thành viên HĐQT                       | -                    | -                  | 60.000.000         | -                 | 60.000.000           |
| Bà Phạm Thị Hồng Giang | Trưởng BKS                            | -                    | -                  | 36.000.000         | -                 | 36.000.000           |
| Bà Bùi Thị Lan         | Thành viên BKS                        | -                    | -                  | 36.000.000         | -                 | 36.000.000           |
| Bà Tạ Thị Việt Phương  | Thành viên BKS                        | -                    | -                  | 36.000.000         | -                 | 36.000.000           |
| Ông Bùi Việt Phương    | Giám đốc tài chính<br>(từ 01/10/2023) | 71.579.000           | -                  | -                  | -                 | 71.579.000           |
| Ông Đỗ Văn Trình       | Phó Giám đốc (đến<br>01/10/2023)      | 160.742.881          | 3.000.000          | -                  | 3.680.000         | 167.422.881          |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hà   | Phó Giám đốc                          | 251.744.998          | 3.000.000          | -                  | 29.773.000        | 284.517.998          |
| Bà Nguyễn Thị Thủy Nga | Kế toán trưởng                        | 241.823.584          | 3.000.000          | -                  | 54.550.000        | 299.373.584          |
| <b>Cộng</b>            |                                       | <b>1.248.680.833</b> | <b>13.000.000</b>  | <b>408.000.000</b> | <b>91.023.000</b> | <b>1.760.703.833</b> |

### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| Bên liên quan khác                                 | Mối quan hệ                     |
|----------------------------------------------------|---------------------------------|
| Công ty Cổ phần Macstar Hồ Chí Minh                | Công ty con                     |
| Công ty Cổ phần Vận tải Container ven biển Macstar | Công ty con                     |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Macland               | Công ty con                     |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C                   | Bên liên quan của Tổng Giám đốc |
| Công ty TNHH Quỹ TM Holding                        | Bên liên quan của Tổng Giám đốc |

#### Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

|                                         | Năm nay        | Năm trước      |
|-----------------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Á D.C</b> |                |                |
| Sử dụng dịch vụ của bên liên quan       | 25.701.876.607 | 675.847.499    |
| Mua nguyên vật liệu                     | 82.488.000     | -              |
| <b>Công ty TNHH Quỹ TM Holding</b>      |                |                |
| Chuyển nhượng cổ phần cho bên liên quan | -              | 25.759.019.000 |

### 2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm là cung cấp các dịch vụ logistic và đầu tư chứng khoán kinh doanh (các cổ phiếu niêm yết). Thông tin về doanh thu và chi phí của các hoạt động này đã được trình bày tại các Thuyết minh VI.1, VI.2, VI.3 và VI.4. Tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu thuộc lĩnh vực cung cấp dịch vụ logistic. Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ KỸ THUẬT HÀNG HẢI

Địa chỉ: Số 8A đường Vạn Mỹ, P.Vạn Mỹ, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 11 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thúy Nga



Trần Tiến Dũng